Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2705.00.00

Mã HS	2705.00.00
Mô tả hàng hóa	Khí than đá, khí than ướt, khí than và các loại khí tương tự, trừ các loại khí dầu mỏ và khí hydrocarbon khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 12:13:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27050000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3262
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3262
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3262
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3252
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3213
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3213
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3213
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3213
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3213
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3213
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3251
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3251
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3251

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3251
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3251
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3251
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3255
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3255
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3255
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3255
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3255
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3255
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3255
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3219
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3215
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3215
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3215
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3215
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3215
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3215
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3215
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3215
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3215
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3215
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3215
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3215
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3262
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3262
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3262
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3262
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3262
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D3259
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E3259
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F3259
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G3259
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H3259
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I3259
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3267
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3267
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3267
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3267
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3267
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3267
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3238
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3238
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3238
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3238
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3238
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3238
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3240
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3240
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3240
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3240
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3240

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3240
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3236
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3236
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3236
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3236
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3236
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3236
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3236
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3259
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3259
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3259
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3259
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3259
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3259
RCEP B	2022	2022	0	B!D3259
RCEP B	2023	2023	0	B!E3259
RCEP B	2024	2024	0	B!F3259
RCEP B	2025	2025	0	B!G3259
RCEP B	2026	2026	0	B!H3259
RCEP B	2027	2027	0	B!I3259
RCEP C	2022	2022	0	C!D3259
RCEP C	2023	2023	0	C!E3259
RCEP C	2024	2024	0	C!F3259
RCEP C	2025	2025	0	C!G3259
RCEP C	2026	2026	0	C!H3259
RCEP C	2027	2027	0	C!I3259

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D3259
RCEP D	2023	2023	0	D!E3259
RCEP D	2024	2024	0	D!F3259
RCEP D	2025	2025	0	D!G3259
RCEP D	2026	2026	0	D!H3259
RCEP D	2027	2027	0	D!I3259
RCEP E	2022	2022	0	E!D3262
RCEP E	2023	2023	0	E!E3262
RCEP E	2024	2024	0	E!F3262
RCEP E	2025	2025	0	E!G3262
RCEP E	2026	2026	0	E!H3262
RCEP E	2027	2027	0	E!I3262
RCEP F	2022	2022	0	F!D3259
RCEP F	2023	2023	0	F!E3259
RCEP F	2024	2024	0	F!F3259
RCEP F	2025	2025	0	F!G3259
RCEP F	2026	2026	0	F!H3259
RCEP F	2027	2027	0	F!I3259
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3005
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3005
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3005
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3005

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2705.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2705.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3262), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.